

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ HƯƠNG THẢO

**QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO
VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ
NHÂN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ
PHẦN VIỆT Á, CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 60.34.01.02

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình đã hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. NGUYỄN TRƯỜNG SON

Phản biện 1: PGS.TS. ĐÀO HỮU HÒA

Phản biện 2: PGS.TS. ĐỖ NGỌC MỸ

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 9 năm 2015

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở các ngân hàng, hoạt động cho vay đối với KHCCN là một mảng tín dụng quan trọng, lợi nhuận của nó mang lại tuy không cao đột biến nhưng chắc chắn, bền vững. Để phát triển được hoạt động cho vay KHCCN một cách tốt nhất tức là ngoài việc tìm kiếm KHCCN có phương án vay khả thi, TSDB tính khả mại cao ...thì ngân hàng phải quản trị rủi ro tốt đối với đối tượng khách hàng này. Hiện nay, việc sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay ngắn hạn sẽ giúp các ngân hàng giảm thiểu rủi ro về mất cân đối nguồn vốn do nguồn vốn huy động của ngân hàng chủ yếu hiện nay là ngắn hạn. Chính vì vậy mà việc nghiên cứu quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCCN chắc chắn sẽ là một sự cần thiết đúng lúc, nó vừa mang ý nghĩa thực tiễn và là một trong những cách giải quyết từng vấn đề một trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng hiện nay.

Sau một thời gian công tác và trực tiếp làm công việc quản lý rủi ro hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Buôn Ma Thuột, em nhận thấy rủi ro trong cho vay ngắn hạn đối với KHCCN tại chi nhánh vẫn đang tồn tại. Nếu chi nhánh không quản trị rủi ro tín dụng tốt thì mục tiêu tăng trưởng cho vay ngắn hạn KHCCN trong thời gian sắp tới sẽ kéo theo các rủi ro tín dụng phát sinh vì mục tiêu tăng trưởng nhanh sẽ dẫn đến việc tuân thủ quy trình, quy định và các điều kiện của các sản phẩm tín dụng cũng lỏng lẻo. Chính vì điều đó việc quản lý rủi ro, đánh giá, phòng tránh rủi ro là việc làm hết sức cần thiết nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, quản trị rủi ro tốt đồng nghĩa với việc mang lại sự phát triển bền vững cho ngân hàng. Xuất phát từ nhu cầu cấp thiết này, đó là lý do tôi chọn đề tài ***“Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với Khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột”*** làm đề tài nghiên cứu

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng, những tác động trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tác động lên công tác quản trị rủi ro của NHTM.

- Đánh giá thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột.

- Trên cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Buôn Ma Thuột.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nhận dạng, đo lường, phân tích các nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế, phòng ngừa rủi ro trong hoạt động trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột.

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu giữa lý luận và thực tế nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng, thực trạng quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN từ năm 2012 đến năm 2014 của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường quản trị rủi ro tín dụng đối với đối tượng này.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp phân tích
- Phương pháp tổng hợp
- Phương pháp diễn giải

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Hệ thống hóa được những vấn đề cơ bản về rủi ro tín dụng của NHTM, về quy trình quản trị rủi ro tín dụng cũng như các nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng. Và các tác động của các đặc trưng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN lên công tác quản trị rủi ro tín dụng.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột và rút ra được nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng, đánh giá ưu điểm và nhược điểm của công tác quản trị rủi ro tín dụng ngắn hạn tại chi nhánh.

- Luận văn đã đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN từ những hạn chế của công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột và trong bối cảnh, điều kiện đặc thù tại tỉnh Đắk Lắk

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay của Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu thực tiễn liên quan đến đề tài, tác giả đã tham khảo một số tài liệu sau:

- Các quy trình, quy định hướng dẫn được HĐQT và Tổng Giám đốc VAB thông qua như: quy chế cho vay và đảm bảo tiền vay, quy trình cấp tín dụng, quy trình định giá TSDB, quy định hạn mức phê duyệt tín dụng đối với các chuyên gia phê duyệt, hướng dẫn chấm điểm hệ thống xếp hạng nội bộ giành cho từng đối tượng khách hàng, hệ thống các sản phẩm và dịch của VAB, Báo cáo tổng kết của Ngân hàng TMCP Việt Á- Chi nhánh Buôn Ma Thuột các năm từ 2012 đến năm 2014,...

- Một số quy định của Ngân hàng nhà nước như quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập DPRR.

- Một số giáo trình của tác giả Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Minh Kiều, Trần Huy Hoàng.

- Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu thực tiễn liên quan đến đề tài quản trị rủi ro tín dụng, hiện nay có rất nhiều đề tài đi sâu vào lĩnh vực này cụ thể như:

- Luận văn “Nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình hội nhập” Luận văn Thạc sĩ kinh tế năm 2009, Trường Đại học kinh tế TP.HCM - Nguyễn Thị Ánh Thủy.

- Luận văn “Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Đà Nẵng”, Luận văn thạc sĩ kinh tế năm 2010, Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng - Nguyễn Thị Bích Thủy.

- Luận văn “Quản trị rủi ro tín dụng tại NHTM cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt”, Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh năm 2012, Đại học Đà Nẵng - Trương Hữu Huy.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG

1.1.1. Khái niệm rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là loại rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng của ngân hàng, biểu hiện trên thực tế qua việc khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn cho ngân hàng.

- Rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN là loại rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng của ngân hàng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng, biểu hiện trên thực tế qua việc khách hàng là cá nhân hoặc hộ gia đình không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn cho ngân hàng.

1.1.2. Đặc điểm của rủi ro tín dụng

1.1.3. Phân loại rủi ro tín dụng

a. Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro

RRTD được phân thành : Rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục

b. Căn cứ theo tính khách quan, chủ quan của nguyên nhân gây ra rủi ro

RRTD được phân thành : Rủi ro khách quan và rủi ro chủ quan

c. Căn cứ theo tính chất rủi ro

RRTD được phân thành : Rủi ro đọng vốn và rủi ro mất vốn

1.1.4. Những căn cứ chủ yếu để xác định rủi ro tín dụng

Để đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng, người ta thường dùng chỉ tiêu nợ quá hạn, chỉ tiêu nợ xấu và kết quả phân loại nợ.

1.1.5. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng

a. Nguyên nhân từ phía khách hàng

b. Nguyên nhân từ phía ngân hàng

c. Nguyên nhân từ phía môi trường kinh doanh

1.1.6. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

a. Đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng

b. Đối với khách hàng

c. Đối với nền kinh tế xã hội

1.2. QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

1.2.1. Khái niệm

Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình tiếp cận rủi ro một cách khoa học, toàn diện và có hệ thống nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, mất mát, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng chính sách tín dụng, thiết lập quy trình tín dụng, giám sát việc tuân thủ chính sách và quy chế cho vay, xử lý trực tiếp và vi phạm về chính sách, quy trình và khoản cấp tín dụng cụ thể.

1.2.2. Mục tiêu của công tác quản lý rủi ro tín dụng

- Tối đa hóa lợi nhuận trên cơ sở giữ mức độ rủi ro hoặc tổn thất tín dụng trong cho vay ở mức ngân hàng có thể chấp nhận được.

- Hoạch định phương hướng, kế hoạch phòng chống rủi ro. Dự đoán rủi ro có thể xảy ra đến đâu, trong điều kiện nào, nguyên nhân và hậu quả ra sao.

- Xây dựng các chương trình nghiệp vụ, cơ cấu kiểm soát rủi ro.

- Kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo việc thực hiện theo đúng kế hoạch phòng chống rủi ro đã hoạch định, phát hiện các rủi ro tiềm ẩn, các sai sót khi thực hiện giao dịch, trên cơ sở đó kiến nghị các biện pháp điều chỉnh và bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro.

1.2.3 Quy trình quản trị rủi ro tín dụng

a. Nhận dạng rủi ro tín dụng

Nhận diện rủi ro tín dụng là quá trình xác định liên tục và có hệ thống các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Nhận dạng rủi ro bao gồm các công việc theo dõi, xem xét, nghiên cứu môi trường hoạt động và toàn bộ mọi hoạt động của ngân hàng nhằm thống kê được tất cả những nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng, không chỉ những loại rủi ro đã và đang xảy ra mà còn dự báo được những dạng rủi ro mới có thể

xuất hiện đối với ngân hàng, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro thích hợp.

b. Đánh giá và đo lường rủi ro tín dụng

Mục đích của đánh giá rủi ro là phải xác định được những nguyên nhân gây ra rủi ro, của đo lường rủi ro là đo lường xác suất và mức độ thiệt hại có thể xảy ra của các rủi ro đã được xác định bằng cách thu thập số liệu và phân tích đánh giá, từ đó xác định xác suất và mức độ thiệt hại có thể xảy ra.

Để đánh giá mức độ quan trọng của rủi ro đối với ngân hàng, người ta sử dụng cả 2 tiêu chí: tần suất xuất hiện của rủi ro và biên độ của rủi ro- mức độ nghiêm trọng của tổn thất. Trong đó tiêu chí thứ 2 đóng vai trò quyết định.

c. Kiểm soát các rủi ro tín dụng

Kiểm soát rủi ro là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược, các chương trình hoạt động để ngăn ngừa, né tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất, những ảnh hưởng không mong đợi có thể xảy ra với ngân hàng.

Khi rủi ro đã xảy ra, trước hết cần theo dõi, xác định tính chính xác những tổn thất về tài sản, nguồn nhân lực, giá trị pháp lý. Sau đó cần có biện pháp tài trợ rủi ro thích hợp.

d Tài trợ rủi ro tín dụng

Tài trợ RRTD là những kỹ thuật, công cụ được sử dụng để chuẩn bị các nguồn tài chính nhằm bù đắp những tổn thất khi RRTD xảy ra.

Khi rủi ro đã xảy ra, trước hết cần theo dõi, xác định tính chính xác những tổn thất về tài sản, nguồn nhân lực, giá trị pháp lý. Sau đó cần có biện pháp tài trợ rủi ro thích hợp. Các biện pháp này được chia làm 2 nhóm: tự khắc phục rủi ro và chuyển giao rủi ro.

1.3. NHỮNG ĐẶC TRƯNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHCN TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NHTM

Với phạm vi nghiên cứu của luận văn này, tác giả xin đưa ra một số tác động của đặc trưng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN lên công tác quản trị rủi ro tín dụng như sau:

1.3.1. Thông tin về khách hàng bất cân xứng, gây khó khăn cho công tác nhận diện rủi ro tín dụng

1.3.2. Khoản vay nhỏ, số lượng khoản vay lớn đòi hỏi quá trình tác nghiệp của ngân hàng phải nhanh chóng làm cho công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng không hiệu quả

1.3.3. Cho vay còn dựa trên giá trị TSBĐ của khách hàng, số lượng TSBĐ nhiều làm công tác quản trị rủi ro mất nhiều thời gian và phải thận trọng

1.3.4. Khả năng trả nợ phụ thuộc hoàn toàn vào người vay, khi rủi ro tín dụng xảy ra công tác quản trị rủi ro chủ yếu là tài trợ rủi ro.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Về cơ bản Chương 1 trình bày một cách khái quát cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng, những nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng và tác động của rủi ro tín dụng lên đối với ngân hàng, khách hàng và nền kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, trình bày các bước trong quy trình quản trị rủi ro tín dụng tại các Ngân hàng thương mại bao gồm bốn bước: nhận dạng rủi ro, đánh giá và đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro. Trong đó, quá trình nhận dạng rủi ro tín dụng trong cho vay đóng vai trò quyết định bởi nếu nhận diện rủi ro một cách chính xác, toàn diện sẽ giúp cho nhà quản trị đánh giá, đo lường và đề ra các giải pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro kịp thời và có hiệu quả.

Cho vay KHCN có nhiều điểm khác so với cho vay khách hàng doanh nghiệp, chính vì điều đó tác giả đã phân tích để thấy được cho vay KHCN tác động như thế nào lên công tác QTRRTD tại các NHTM.

Từ đó làm cơ sở để tìm hiểu, thực hiện mục tiêu nghiên cứu thực trạng QTRRTD trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại VAB-BMT trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHCN TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á - CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT

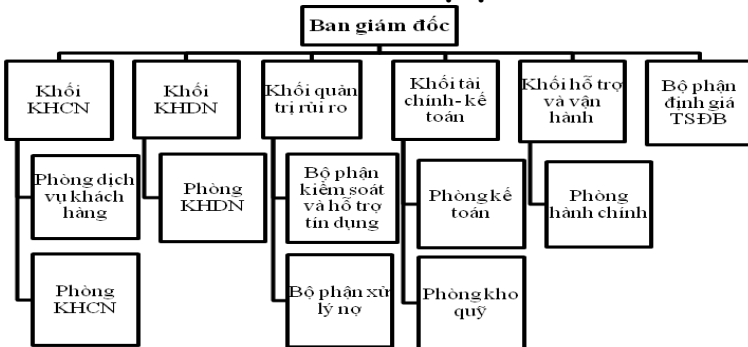
2.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT

2.1.1. Giới thiệu chung về ngân hàng

a. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Buôn Ma Thuột chính thức được thành lập theo quyết định số 100/QĐ-HĐQT/10 ngày 25/05/2010 của Chủ tịch Ngân hàng TMCP Việt Á và đi vào hoạt động vào ngày 01/12/2010, có trụ sở tại 40 Hùng Vương, Phường Tự An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

b. Cơ cấu tổ chức và tình hình nhân sự tại VAB- BMT



Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức tại VAB- BMT

c. Chức năng

Trực tiếp kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của NHNN. Thực hiện các nhiệm vụ khác của Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc VAB giao.

2.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh của VAB- BMT

a. Tình hình huy động vốn

Năm 2014, mặc dù lãi suất huy động liên tục giảm mạnh nhưng VAB- BMT vẫn duy trì được số dư huy động thậm chí là vẫn tăng so với năm 2013 điều đó cho thấy công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng tại CN khá tốt. Về cơ cấu huy động, CN đã có sự định hướng đúng đắn là tăng huy động vốn VNĐ, tập trung huy động nguồn vốn nhân rồi trong dân cư, đảm bảo khả năng thanh toán và đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu tăng trưởng của CN, đồng thời tập trung vào huy động nguồn vốn dài hạn hơn, nhằm đáp ứng khả năng thanh khoản.

b. Hoạt động cho vay

Từ năm 2012 đến năm 2014, dư nợ của VAB- BMT liên tục tăng. Tuy nhiên, lãi suất huy động của VAB khá cao so với các ngân hàng trên địa bàn dẫn đến lãi suất cho vay của VAB nói chung và VAB- BMT cũng cao hơn một số ngân hàng khác nên khó cạnh tranh về lãi suất cho vay và dư nợ của VAB- BMT khá thấp so với các Tổ chức tín dụng khác trên địa bàn.

c. Hoạt động dịch vụ

VAB- BMT hoạt động dịch vụ còn rất mờ nhạt, các sản phẩm dịch vụ chủ yếu vẫn là các hoạt động truyền thống như chuyển tiền trong ngoài nước, dịch vụ thẻ, thu chi hộ... Do đó, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng nguồn thu của chi nhánh.

d. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2.3: Tình hình thu nhập - chi phí giai đoạn năm 2012 - 2014

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng thu nhập	21,173	30,314	31,698
Trong đó: Thu lãi cho vay	17,739	27,079	28,626
2. Tổng chi phí	20,535	29,547	30,842
Trong đó: Chi trả lãi	13,429	12,742	20,503
Lợi nhuận trước thuế (Tổng thu - tổng chi)	639	767	856

(Nguồn: Báo cáo nội bộ VAB- BMT)

Trong nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, hoạt động chủ yếu chỉ trong một chi nhánh, không có Phòng giao dịch, các dịch vụ và lãi suất cho vay không cạnh tranh nhưng VAB- BMT vẫn có lợi nhuận, điều này cũng là niềm khích lệ và kỳ vọng cho VAB- BMT trong năm 2015 sẽ đạt được lợi nhuận cao hơn khi mở được thêm ít nhất 01 Phòng giao dịch như kế hoạch đã đề ra.

2.1.3. Phân quyền trong quản trị rủi ro tín dụng tại VAB- BMT

a. Quản trị rủi ro tín dụng phân cấp tại Hội sở

b. Quản trị rủi ro tín dụng phân cấp cho chi nhánh

2.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHCN TẠI VAB- BMT

2.2.1. Tình hình hoạt động cho vay ngắn hạn đối với KHCN

Bảng 2.4: Cơ cấu dư nợ cho vay giai đoạn năm 2012 - 2014*(Đvt: Triệu đồng)*

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng
Tổng dư nợ cho vay ngắn hạn đối với KHCN	36,725	100%	72,369	100%	72,174	100%
- Phân loại cho vay ngắn hạn đối với KHCN theo ngành kinh tế						
+ Nông nghiệp và lâm nghiệp	17,334	47.20%	20,119	27.80%	21,797	30.20%
+ Thương nghiệp	13,845	37.70%	39,369	54.40%	40,706	56.40%
+ Tiêu dùng	5,509	15.00%	12,882	17.80%	9,671	13.40%
- Phân loại cho vay ngắn hạn đối với KHCN theo thành phần kinh tế						
+ Cá nhân, Hộ gia đình	22,586	61.50%	52,974	73.20%	28,292	39.20%
+ Hộ kinh doanh cá thể	14,139	38.50%	19,395	26.80%	43,882	60.80%
- Phân loại cho vay ngắn hạn đối với KHCN theo mức độ tín nhiệm						
+ Có TSBĐ	36,688	99.90%	72,326	99.94%	72,123	99.93%
+ Không có TSBĐ	36.725	0.10%	43.4214	0.06%	50.5218	0.07%
- Phân loại cho vay ngắn hạn đối với KHCN theo độ tuổi của người vay						
+ Từ 18 đến 30 tuổi	10,172.83	27.70%	16,970.53	23.45%	17,870.28	24.76%
+ Từ 31 đến 50 tuổi	25,413.70	69.20%	52,358.97	72.35%	53,286.06	73.83%
+ Từ 51 đến 65 tuổi	1,138.48	3.10%	3,039.50	4.20%	1,017.65	1.41%
- Phân loại cho vay ngắn hạn đối với KHCN theo loại TSBĐ						
+ Giấy tờ có giá	5,339.82	14.54%	6,969.13	9.63%	5,218	7.23%
+ Bất động sản	22,912.73	62.39%	43,551.66	60.18%	38,066	52.74%
+ Động sản	8,472.46	23.07%	21,848.20	30.19%	27,390	37.95%
+ Tài sản khác	-	0.00%	-	0.00%	1,500	2.08%

(Nguồn: Báo cáo nội bộ VAB- BMT)

Tính đến cuối năm 2013, dư nợ cho vay ngắn hạn đối với KHCN là 72,369 triệu đồng, chiếm 71.4% tổng dư nợ cho vay KHCN (theo số liệu bảng 2.2), tăng 35,644 triệu đồng (tăng 97.1%) so với năm 2012. Năm 2014, dư nợ cho vay ngắn hạn đối với KHCN là 72,174 triệu đồng, chiếm 66.8% tổng dư nợ cho vay KHCN, giảm 195 triệu đồng

(giảm 0.3%) so với năm 2013, nguyên nhân: KHCN vay tiêu dùng năm 2014 giảm so với năm 2013 do thủ tục cho vay của VAB- BMT khá chậm so với các Ngân hàng trên địa bàn nên không đủ sức cạnh tranh khi mà nhu cầu tiêu dùng của khách hàng đòi hỏi thủ tục phải nhanh chóng, chi nhánh mặt dù vẫn phát triển được khách hàng mới nhưng khách hàng cũ lại không giữ được nên cuối năm dư nợ trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN chưa tăng trưởng

2.2.2. Tình hình nợ quá hạn, nợ xấu trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN

Bảng 2.5 : Cơ cấu nợ quá hạn, nợ xấu giai đoạn năm 2012 - 2014

(Đvt: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng
Tổng dư nợ trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN	36,725	100%	72,369	100%	72,174	100%
- Nhóm 1	35,775	97.40%	70,949	98.00%	70,894	98.20%
- Nhóm 2	650	1.80%	950	1.30%	860	1.20%
- Nhóm 3	70	0.20%	90	0.10%	220	0.30%
- Nhóm 4	100	0.30%	150	0.20%		0.00%
- Nhóm 5	130	0.40%	230	0.30%	200	0.30%
Nợ quá hạn trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN (nhóm 2+ nhóm 3 + nhóm 4 + nhóm 5)	950	2.60%	1,420	2.00%	1,280	1.80%
Nợ xấu trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN (nhóm 3 + nhóm 4 + nhóm 5)	300	0.80%	470	0.60%	420	0.60%
- Nợ xấu trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN theo ngành kinh tế						
+ Nông nghiệp và lâm nghiệp	120	40.00%	105	22.30%	100	23.80%
+ Thương nghiệp	130	43.30%	300	63.80%	250	59.50%
+ Tiêu dùng	50	16.70%	65	13.80%	70	16.70%
- Nợ xấu trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN theo thành phần kinh tế						
+ Cá nhân, Hộ gia đình	190	63.30%	270	57.40%	300	71.40%
+ Hộ kinh doanh cá thể	110	36.70%	200	42.60%	120	28.60%

(Nguồn: Báo cáo nội bộ VAB-BMT)

Tỷ trọng nợ quá hạn trong tổng dư nợ ngắn hạn của VAB- BMT chiếm 2.6% trong năm 2012 giảm xuống 2% trong năm 2013 và 1.8% trong năm 2014. Trong đó tỷ trọng nợ xấu trong tổng dư nợ ngắn hạn giảm từ chiếm 0.8% trong năm 2012 xuống còn 0.6% trong năm 2014. Điều này cho thấy trong điều kiện môi trường kinh doanh có nhiều tiềm ẩn rủi ro, VAB- BMT cũng đặc biệt quan tâm đến chất lượng tín dụng, đã tích cực thu hồi nợ xấu. Thường xuyên hàng tháng, hàng quý tổ chức phân loại nợ quá hạn, nợ có vấn đề và có hướng xử lý thích hợp.

2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHCN TẠI VAB- BMT

2.3.1. Nhận dạng rủi ro

VAB- BMT nhận diện rủi ro thông qua phân tích các thông tin tài chính, phi tài chính, phân tích hồ sơ vay vốn, thông qua thẩm định thực tế và quy chế quản lý rủi ro tín dụng.

⇒ Sau khi thực hiện các bước để nhận dạng rủi ro, cho thấy hiện tại 10 nguyên nhân chính gây ra rủi ro trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại VAB- BMT như sau:

- Khách hàng không có thiện chí trả nợ.
- Khách hàng làm ăn thua lỗ;
- Khách hàng cố tình cung cấp thông tin sai lệch để lừa đảo ngân hàng;
- Mâu thuẫn giữa người vay và người đồng trả nợ;
- Ngân hàng nhận TSDB của bên thứ ba tiềm ẩn nhiều rủi ro và khó khăn khi xử lý TSDB để thu hồi nợ do chủ TSDB bất hợp tác
- Ngân hàng khi cho vay định giá TSDB dựa trên nhu cầu của món vay chứ không phải giá trị thực tế của TSDB, khi xử lý nợ TSDB không đủ để thanh toán gốc, lãi cho khoản vay;
- CBTD cho vay lỏng lẻo, thiếu kiểm tra sau khi cho vay;
- Thiên tai, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ;
- CBTD không đủ năng lực thẩm định tài chính, phương án vay vốn

của khách hàng, thiếu kinh nghiệm trong cho vay;

- Năng lực quản lý của ngân hàng còn kém

2.3.2. Đánh giá và đo lường rủi ro tín dụng

Khi đã nhận dạng được các rủi ro tín dụng, từ đó việc đo lường rủi ro tín dụng mới hiệu quả. VAB - BMT đánh giá và đo lường rủi ro tín dụng đã nhận diện được ở bước nhận dạng rủi ro thông qua:

- * Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

* Phân tích rủi ro được bắt đầu bằng cách làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân gây ra rủi ro và khả năng thiệt hại.

⇒ Sau khi thực hiện đánh giá rủi ro, tại VAB- BMT các nguyên nhân chính gây ra 10 rủi ro tín dụng do các nguyên nhân từ khách hàng, ngân hàng, môi trường kinh doanh gây ra.

2.3.3. Kiểm soát các rủi ro tín dụng

Nhận dạng rủi ro, đo lường và kiểm soát rủi ro giúp VAB- BMT kiểm soát các rủi ro tín dụng phát sinh tại chi nhánh như sau:

- * Không làm gì bằng cách chủ động hay thụ động chấp nhận rủi ro
- * Đối với những khoản vay còn lại, các biện pháp cơ bản để kiểm soát rủi ro tín dụng của VAB- BMT bao gồm:

➤ Kiểm soát các nguồn gây ra rủi ro tín dụng: VAB- BMT cho vay theo định hướng ngành nghề của VAB-Hội sở ban hành theo từng thời kỳ.

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tổn thất do rủi ro tín dụng
- Phân tán rủi ro tín dụng
- Phát hiện và xử lý nợ có vấn đề
- Chuyển giao rủi ro

2.3.4. Tài trợ rủi ro tín dụng

VAB- BMT hiện nay đang tài trợ rủi ro bằng 5 nguồn tài trợ như sau:

- * Tài trợ rủi ro bằng nguồn xử lý nợ xấu
- * Tài trợ rủi ro bằng nguồn phát mại TSĐB
- * Tài trợ rủi ro bằng nguồn DPRR

* Tài trợ rủi ro bằng nguồn bảo hiểm

* Tài trợ rủi ro bằng hoạt động bán nợ

2.4. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHCN TẠI VAB- BMT

2.4.1. Nhận dạng rủi ro

a. Ưu điểm

b. Nhược điểm

2.4.2. Đánh giá và đo lường rủi ro

a. Ưu điểm

b. Nhược điểm

2.4.3. Kiểm soát rủi ro

a. Ưu điểm

b. Nhược điểm

2.4.4. Tài trợ rủi ro

a. Ưu điểm

b. Nhược điểm

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở phân tích, nhận xét và đánh giá về thực trạng hoạt động cho vay, công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2014 của VAB - BMT có thể thấy rằng công tác quản trị rủi ro tín dụng của Chi nhánh vẫn còn bất cập và chưa phát huy hiệu quả, tác giả cũng đã làm rõ được ưu điểm và nhược điểm của từng bước trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh. Từ đó, để công tác quản trị rủi ro trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại chi nhánh phát huy ưu điểm và khắc phục những nhược điểm tác giả đã đề xuất giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro trong Chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHCCN TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á - CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh của VAB- BMT

- Nâng tầm vị trí của VAB- BMT so với các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và cả nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bảo đảm yêu cầu phát triển kinh doanh trong giai đoạn hội nhập.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi hoạt động nghiệp vụ.

- Nâng cao chất lượng quản trị điều hành, chất lượng QTRR trong mọi hoạt động ngân hàng.

- Thực hiện chính sách khách hàng, giữ vững khách hàng hiện có, thu hút thêm khách hàng mới, đồng thời nâng tầm sự hợp tác với khách hàng có hiệu quả hơn.

- Thực hiện tốt chính sách cán bộ, giữ và thu hút cán bộ giỏi, sử dụng và phát huy tốt nguồn nhân lực

3.1.2. Định hướng phát triển hoạt động tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCCN của VAB- BMT

- Cho vay là hoạt động kinh doanh chủ lực.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển KHCCN thông qua việc tiếp thị các sản phẩm hiện có nhằm mở rộng hoạt động tín dụng tới mọi ngành nghề trọng tâm, ngành nghề theo định hướng của VAB Hội sở.

- Đa dạng hóa sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân để phù hợp với từng đối tượng khác nhau.

- Tăng cường đào tạo CBTD và các nhân viên trong chi nhánh cùng tham gia trong hoạt động cho vay.

3.1.3. Định hướng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN của VAB- BMT

- Tối ưu hóa sự cân bằng giữa rủi ro và thu nhập kỳ vọng bằng cách tập trung vào các lợi thế cạnh tranh của ngân hàng, chuyển dần việc QTRR sang quá trình tích cực hơn bằng việc đo lường và bảo hiểm, chia sẻ rủi ro.

- Không tập trung cấp tín dụng quá cao cho một KH, một ngành nghề, một lĩnh vực; các nhóm KH, ngành nghề hay lĩnh vực có liên quan với nhau.

- Khi quyết định cấp tín dụng cho một khách hàng lớn phải được thực hiện theo chế độ tập thể, bảo đảm tính khách quan.

- Giảm thiểu RRTD trên cơ sở nâng cao chất lượng tín dụng.

- Phân tán rủi ro trong danh mục đầu tư tín dụng; không đầu tư quá nhiều vào một nhóm ngành hàng, khách hàng.

- Tăng khả năng phòng ngừa RRTD trong hoạt động tín dụng thông qua việc nâng cao chất lượng thẩm định và tăng cường kiểm soát, giám sát liên tục, toàn diện và kịp thời trong quá trình cấp tín dụng.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHCN TẠI VAB- BMT

3.2.1. Hoàn thiện công tác nhận dạng rủi ro

a. Xây dựng danh mục rủi ro tín dụng

Dựa vào môi trường kinh doanh trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và thực tế hồ sơ cho vay tại VAB- BMT, chi nhánh có thể xây dựng danh mục rủi ro liệt kê các yếu tố nghi vấn về điều kiện rủi ro trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN qua đó nhận diện nguy cơ rủi ro để có biện pháp điều chỉnh kịp thời. Danh mục rủi ro tại chi nhánh, có thể chia ra nguồn rủi ro do môi trường kinh doanh, nguồn rủi ro từ phía khách hàng, nguồn rủi ro từ phía ngân hàng.

b. Phương pháp chuyên gia

Chi nhánh sử dụng phương pháp này bằng sự trao đổi thường xuyên sẽ giúp nhận dạng được rủi ro tín dụng.

- Tiếp xúc với nội bộ khách hàng.
- Tiếp xúc với chính quyền địa phương.
- Tiếp xúc với các chuyên gia.

- Ban giám đốc và các nhân viên trong chi nhánh thường xuyên trao đổi kinh nghiệm, thông tin để có thể phòng tránh những rủi ro có thể xảy ra.

c. Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm các khoản vay có vấn đề

Thành lập tổ nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô với lực lượng nòng cốt là CBTD của chi nhánh. Xây dựng báo cáo phân tích ngành kinh tế với những ngành có tỷ trọng dư nợ cho vay cao, những ngành có rủi ro cao. Từ đó đưa ra các đặc thù của ngành có xác suất gây ra rủi ro cao.

3.2.2. Hoàn thiện công tác đánh giá và đo lường rủi ro

a. Xếp hạng danh mục rủi ro

Từ danh mục rủi ro đã xây dựng được ở bước nhận dạng rủi ro tại mục a, 3.2.1, dựa vào mức độ ảnh hưởng của chúng tại chi nhánh, chi nhánh có thể xếp hạng được mức độ ảnh hưởng, xác suất xuất hiện của rủi ro đó để từ đó có thể đưa ra giải pháp kiểm soát chúng.

b. Công tác chấm điểm và xếp hạng khách hàng cần được thực hiện một cách chi tiết cụ thể

c. Xếp hạng TSBĐ để giảm thiểu rủi ro do TSBĐ mang lại

d. Phân tích rủi ro được bắt đầu bằng cách làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân gây ra rủi ro và khả năng thiệt hại bằng cách áp dụng nguyên lý Pareto

Dùng đồ thị Pareto để nhận dạng những nguyên nhân nào trọng yếu gây ra rủi ro tín dụng tại VAB- BMT. Bằng phương pháp phân tích số liệu trong quá khứ trong 3 năm từ năm 2012 đến năm 2014 và lấy số liệu dư nợ quá hạn trong chương 2 để phân tích nguyên

nhân gây ra rủi ro tín dụng.

Ta phân tích các nguyên nhân gây ra RRTD tại thành 10 nguyên nhân rủi ro với bình quân dư nợ quá hạn qua 3 năm để đảm bảo độ chính xác. Sau đó xếp các loại nguyên nhân theo tỷ lệ nợ quá hạn giảm dần.

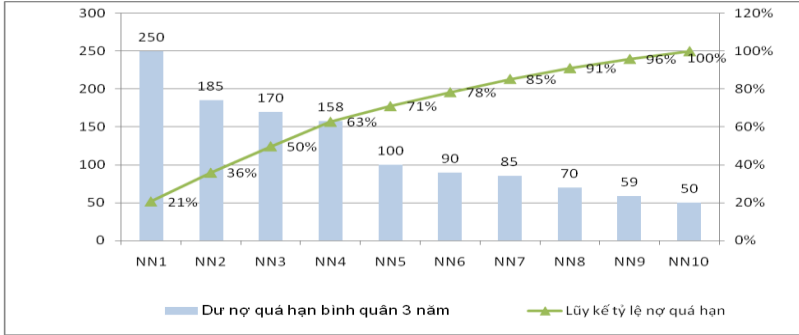
Dư nợ quá hạn bình quân 3 năm được tính bằng tổng dư nợ quá hạn của 3 năm chia cho 3 và sắp xếp nợ quá hạn theo các nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng từ cao đến thấp. Tỷ lệ nợ quá hạn (%) được tính bằng nợ quá hạn theo từng nguyên nhân chia cho tổng dư nợ quá hạn của tất cả các rủi ro (10 rủi ro).

Bảng 3.3: Dư nợ quá hạn bình quân 3 năm 2012, 2013, 2014

(ĐVT: triệu đồng)

Stt	Nguyên nhân nợ quá hạn	Ký hiệu nguyên nhân	Dư nợ quá hạn bình quân 3 năm	Tỷ lệ nợ quá hạn	Lũy kế tỷ lệ nợ quá hạn
1	KH cố tình cung cấp thông tin sai lệch để lừa đảo ngân hàng	NN1	250	21%	21%
2	Ngân hàng nhận TSĐB của bên thứ ba tiềm ẩn nhiều rủi ro và khó khăn khi xử lý TSĐB để thu hồi nợ do chủ TSĐB bất hợp tác	NN2	185	15%	36%
3	CBTD cho vay lỏng lẻo, thiếu kiểm tra sau khi cho vay	NN3	170	14%	50%
4	KH không có thiện chí trả nợ.	NN4	158	13%	63%
5	CBTD không đủ năng lực thẩm định tài chính, phương án vay vốn của khách hàng, thiếu kinh nghiệm trong cho vay	NN5	100	8%	71%
6	KH làm ăn thua lỗ	NN6	90	7%	78%
7	NH khi cho vay định giá TSĐB dựa trên nhu cầu của món vay chứ không phải giá trị thực tế của TSĐB, khi xử lý nợ TSĐB không đủ để thanh toán gốc, lãi cho khoản vay	NN7	85	7%	85%
8	Năng lực quản lý của NH còn kém	NN8	70	6%	91%
9	Thiên tai, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ	NN9	59	5%	96%
10	Mâu thuẫn giữa người vay và người đồng trả nợ	NN10	50	4%	100%
Tổng cộng			1,217	100%	

Đồ thị Pareto: Căn cứ số liệu của Bảng 3.3 để vẽ đồ thị Pareto



Hình 3.1: Đồ thị Pareto

Đồ thị Pareto cho thấy những yếu tố gây ra RRTD tại VAB- BMT có mức từ cao đến thấp. Trong đó, 6 nguyên nhân “Khách hàng cố tình cung cấp thông tin sai lệch để lừa đảo ngân hàng”, “Ngân hàng nhận TSDB của bên thứ ba tiềm ẩn nhiều rủi ro và khó khăn khi xử lý TSDB để thu hồi nợ do chủ TSDB bất hợp tác”, “CBTD cho vay lỏng lẻo, thiếu kiểm tra sau khi cho vay”, “Khách hàng không có thiện chí trả nợ”, “CBTD không đủ năng lực thẩm định tài chính, phương án vay vốn của khách hàng, thiếu kinh nghiệm trong cho vay”, ” Khách hàng làm ăn thua lỗ ” là các nguyên nhân cần đặc biệt quan tâm.

3.2.3. Hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro

a. Xây dựng môi trường quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay

- * Định kỳ xem xét lại các chính sách quản trị rủi ro
- * Hoàn thiện hệ thống thông tin quản trị rủi ro

* Thực hiện tốt quản lý thông tin khoản vay trên hệ thống cơ sở dữ liệu

b. Nâng cao chất lượng thẩm định và phân tích tín dụng

c. Tăng cường kiểm soát việc kiểm tra sau cho vay

d. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

e. Quản lý danh mục cho vay

f. Ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất

g. Chuyển giao rủi ro

h. Đa dạng hóa để phân tán rủi ro

i. Chấp nhận rủi ro (Risk Acceptance)

3.2.4. Hoàn thiện công tác tài trợ rủi ro

a. Quỹ DPRR tín dụng

b. Bảo đảm tín dụng

c. Mua bảo hiểm tín dụng

d. Tăng cường hiệu quả công tác xử lý nợ có vấn đề

e. Nâng cao năng lực tài chính của VAB- BMT

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VAB

3.3.1. Đối với VAB - BMT

- Chấp hành cho vay theo quy định của NHNN, của Hội sở VAB ban hành.

- Thường xuyên có các buổi tập huấn các quy trình nghiệp vụ, các sản phẩm cho vay mới cho các CBTD và các bộ phận liên quan khi mới ban hành.

- Có chính sách kiểm tra chéo đối với kiểm tra sau vay giữa các CBTD với nhau. Nhằm nâng cao tính khách quan về tình hình kiểm tra tình hình tài chính, TSĐB của khách hàng vay vốn tại VAB.

- Đánh giá năng lực của CBTD định kỳ, có chính sách động viên, khen thưởng.

- Định kỳ hàng tuần/tháng làm việc với bộ phận Kiểm soát tín dụng tại chi nhánh nắm những điểm cần lưu ý trong các sản phẩm, quy định

mới trong cho vay, chủ động yêu cầu CBTD hoàn thiện các thiếu sót trong quá trình tác nghiệp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng.

3.3.2. Đối với Hội Sở VAB

- Nâng cấp hệ thống thông tin quản trị nhằm nhận biết, đánh giá và đo lường rủi ro tín dụng hiệu quả.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách phù hợp với thực tiễn và những thay đổi của chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Chính phủ ban hành liên quan đến thị trường tài chính – ngân hàng.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chấm điểm và xếp hạng khách hàng trên cơ sở đánh giá kết quả áp dụng trong thời gian qua, nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu tài chính và phi tài chính. Đây là tiền đề cho việc xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và là cơ sở áp dụng phương pháp phân loại nợ và trích lập DPRR theo chuẩn mực quốc tế.

- Chủ động theo dõi tình hình thực hiện và danh mục rủi ro của Chi nhánh. Định kỳ rà soát thông tin để nắm bắt và đánh giá tất cả các loại rủi ro của Chi nhánh.

- Cần xây dựng chính sách đào tạo nghiệp vụ mới cho cán bộ bằng cách đãi ngộ, khuyến khích các cán bộ đi học khóa đào tạo ngắn hạn liên quan đến nghiệp vụ tín dụng.

- Có chính sách lương phù hợp với mức lương chung của hệ thống ngân hàng, giúp CBTD vững chắc về tài chính sẽ hạn chế được vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong cho vay, hạn chế so sánh mức lương với TCTD khác dẫn đến bất mãn về công việc và hạn chế nhảy việc.

- Ngoài bộ phận kiểm soát tín dụng tại chi nhánh, VAB Hội sở cần bổ sung thêm 01 nhân sự kiểm tra kiểm soát nội bộ, nhân sự này sẽ kiểm tra mọi hoạt động phát sinh tại chi nhánh hàng ngày để kiểm tra và phát hiện mọi sai sót, sai phạm phát sinh.

KẾT LUẬN

Hoạt động kinh doanh ngân hàng có thể nói là hoạt động kinh doanh rủi ro, rủi ro luôn đi kèm với lợi nhuận, lợi nhuận càng cao thì rủi ro càng nhiều. Vì vậy việc quản trị rủi ro tín dụng một cách hiệu quả sẽ tạo ngân hàng gia tăng lợi nhuận, phát triển bền vững, quảng bá thương hiệu cũng như uy tín của ngân hàng. Thông qua cơ sở lý luận về tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng, luận văn đi vào nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân rủi ro tín dụng cũng như công tác quản trị rủi ro trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại VAB- BMT, chỉ ra những mặt ưu điểm và nhược điểm của công tác QTRRTD trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN của VAB- BMT. Từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng tín dụng cũng như công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Á - chi nhánh Buôn Ma Thuột trong giai đoạn sắp tới.

Luận văn được viết trên cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng trong kinh doanh ngân hàng cùng với kinh nghiệm thực tiễn trong công tác tín dụng. Tuy nhiên do kiến thức về hệ thống lý luận và thực tiễn còn hạn chế, nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến của quý Thầy cô, các Anh, Chị, Em. Qua đây, em cũng xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến Thầy GS.TS Nguyễn Trường Sơn đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành luận văn này.